

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-PT

Ngày: 26-02-2019

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tòng.

Các Thẩm phán:

1. Bà Phạm Thị Hồng Vân;

2. Bà Nguyễn Thị An Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Trương Thái Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2018/TLPT-DS về việc “Tranh chấp đòi tài sản”, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 127/2018/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh T bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 254/2018/QĐPT-DS ngày 28 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Kỳ P, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số 10B2, Khu phố 5, Phường 1, thành phố T1, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Võ Quốc T2, sinh năm 1984 (theo văn bản ủy quyền ngày 30/6/2018); có mặt.

Địa chỉ: Số 273, đường L, ấp H, xã H1, huyện H2, tỉnh T.

Bị đơn: Công ty Cổ phần X;

Địa chỉ: Số 84, đường T3, khu phố N, phường N1, thành phố T1, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng N2 – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Huỳnh Thị N3, sinh năm 1980 (theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2018); có mặt.

Địa chỉ: Số 9, Hẻm 9, đường T4, Khu phố 1, Phường 1, thành phố T1, tỉnh T.

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần X - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2018, bản tự khai tại tòa án của nguyên đơn- ông Hồ Kỳ P và ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – anh Võ Quốc T2 trình bày tại phiên tòa:*

Trước đây ông Hồ Kỳ P là nhân viên của Công ty Cổ phần X (gọi tắt là Công ty) phụ trách đội thi công và được giao nhiệm vụ theo quyết định của Công ty. Khi thi công các công trình thì đội thi công tự ứng tiền mua vật liệu, nhân công và yêu cầu nhà cung cấp vật liệu xuất hóa đơn giá trị gia tăng nộp về Công ty để được hoàn thuế và Công ty hoàn lại cho các đội thi công.

Tại Biên bản làm việc ngày 31/3/2016 giữa Công ty với nhà đầu tư là ông Nguyễn Trọng N2 (nay là Giám đốc) và ông Phạm Minh P về việc thống nhất thực hiện một số nội dung trước khi tiến hành kiểm toán, bàn giao và tổ chức Đại hội cổ đông năm 2015 thể hiện nội dung: Tại mục 2 là Các công trình giao thông hoàn thành năm 2015, Công ty còn giữ tiền bảo hành và thuế giá trị gia tăng còn phải khấu trừ cho các đội thi công. Theo bảng kê trong đó đội thi công của ông P được khấu trừ hoàn trả tiền thuế giá trị gia tăng là 247.401.887 đồng.

Sau đó, ông P tiếp tục thi công tiếp theo và tại bảng quyết toán công nợ còn phải thanh toán ngày 02/5/2016 của Công ty thể hiện rõ số tiền thuế giá trị gia tăng phải khấu trừ hoàn trả cho ông theo nội dung biên bản bàn giao và kèm bảng phụ lục số 01 giữa ông P cùng với Công ty ký kết thể hiện số tiền thuế giá trị gia tăng phải khấu trừ hoàn trả cho ông P là 247.401.887 đồng.

Ngày 01/5/2016, ông P có nhiều văn bản gửi đến Công ty yêu cầu thanh toán khoản tiền này. Vào khoảng tháng 01/2017, đại diện Công ty đồng ý thanh toán cho ông P 50% của số tiền 247.401.887 đồng, ông P không đồng ý và hiện nay Công ty vẫn chưa thanh toán. Vì vậy ông P có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty trả lại cho ông số tiền hoàn thuế giá trị gia tăng là 247.401.887 đồng.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 và ngày 10 tháng 10 năm 2018, ông P có đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần X phải thanh toán tiền lãi do chậm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 02/5/2016 đến ngày xét xử theo mức lãi suất là 10% năm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện ủy quyền cho ông P **rút yêu cầu khởi kiện bổ sung không** yêu cầu Công ty phải thanh toán tiền lãi do chậm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 02/5/2016 đến ngày xét xử theo mức lãi suất là 10% năm của số tiền gốc **247.401.887 đồng**.

** Theo bản trình bày ý kiến của Công ty Cổ phần X- đại diện ông N2 và biên bản lấy lời khai của bà N3 và tại phiên tòa, bà N3 trình bày:*

Bị đơn thừa nhận ông P khởi kiện Công ty trả số tiền 247.401.887 đồng là tiền hoàn thuế giá trị gia tăng là có thật thể hiện trong nội dung biên bản bàn giao ngày 02/5/2016 nhưng vào ngày 11/5/2016, Cục thuế tỉnh T ban hành Quyết định kiểm tra số 1933/QĐ-CT về việc kiểm tra thuế của Công ty Cổ phần X, thời kỳ kiểm tra năm 2015 nhưng chưa kiểm tra các năm trước đó mà theo quy định của ngành thuế thì thời hạn kiểm tra chứng từ thuế trong thời hạn 5 năm. Do giai đoạn kiểm tra thuế chỉ thực hiện trong năm 2015 mà không bao gồm các niên độ kế toán khác nên chưa bao quát hết giới hạn kiểm tra có liên quan đến việc hoàn thuế của ông P hay không nên công ty chưa hoàn số tiền thuế này cho ông P. Vào ngày 01/8/2018, Công ty có công văn số 29/CPXDGTN ngày 24/7/2018 về việc yêu cầu cục thuế tỉnh T xác định rõ phạm vi kiểm tra liên quan đến việc hoàn thuế của các đội. Trong văn bản có thể hiện rõ tại quyết định số 1933/QĐ-CT, ngày 11/5/2016 của Cục Thuế Tây Ninh kiểm tra theo nguyên tắc chọn mẫu. Nếu Cục thuế tỉnh T tiến hành kiểm tra số liệu thuế trong giai đoạn ông P thì công là hợp lệ thì Công ty sẽ hoàn thuế cho ông P và Công ty đã nhận công văn số 4347/CT-KTT1 ngày 15/8/2018 về việc phúc đáp công văn số 29/CPXDGTN ngày 24/7/2018 nhưng nội dung công văn không trả lời việc thanh tra kiểm tra, do đó Công ty không đồng ý chi trả cho ông P số tiền hoàn tiền thuế giá trị gia tăng 247.401.887 đồng, nếu ông P đồng ý nhận 50 % của số tiền này thì công ty sẽ chi trả ngay, 50 % còn lại Công ty sẽ giữ lại để Công ty chi những khoản phát sinh sau đó.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 127/2018/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh T, đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản của ông Hồ Kỳ P đối với Công ty Cổ phần X;

- Buộc Công ty Cổ phần X phải có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Kỳ P số tiền 247.401.887 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Kỳ P đối với Công ty Cổ phần X về yêu cầu tính tiền lãi do chậm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 02/5/2016 đến ngày xét xử theo mức lãi xuất là 10%/năm đối với số tiền 247.401.887 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/11/2018, Công ty Cổ phần X kháng cáo không đồng ý trả cho ông P số tiền 247.401.887 đồng. Công ty chỉ đồng ý trả trước cho ông P 50% số tiền còn nợ, 50% còn lại sẽ thanh toán cho ông P sau khi có kết quả kiểm tra thuế của Cục thuế tỉnh T.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực

hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy :

Xét kháng cáo của Công ty Cổ phần X thấy rằng:

[1] Ông Hồ Kỳ P là nhân viên Công ty Cổ phần X, có vốn nhà nước 71,34%. Ông P là đội trưởng Đội thi công công trình số 7 của Công ty. Khi thi công các công trình thì đội thi công tự ứng tiền mua vật liệu, nhân công, và yêu cầu nhà cung cấp vật liệu xuất hóa đơn giá trị gia tăng nộp về Công ty để được hoàn thuế.

[2] Thực hiện chủ trương thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần X, ngày 16/3/2016 Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước đã chuyển nhượng toàn bộ 71,34% vốn đang sở hữu tại Công ty cho ông Phạm Minh Phương.

[3] Theo bảng tổng hợp quyết toán nợ, Công ty còn phải thanh toán cho đội thi công của ông Hồ Kỳ P do ông Nguyễn Trọng N2 nhận bàn giao ngày 02/5/2016 thì đội thi công của ông Hồ Kỳ P đã nhận thi công công trình bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa đường tỉnh lộ 791, 794, 798, 785... Trong năm 2015, số tiền thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ hoàn trả là 247.401.887 đồng.

[4] Tại biên bản bàn giao tài sản, tiền vốn và lao động từ Công ty Cổ phần có 71,34% vốn nhà nước sang Công ty Cổ phần 100% vốn tư nhân đầu tư của tư nhân ngày 02/5/2016 (BL 76) tại tiểu mục 4.1 mục 4: Công nợ phải trả cho các đội thi công công trình thuộc Công ty tiền bảo hành công trình năm 2015 và công trình 04 tháng đầu năm 2016, trong đó phải trả cho đội thi công của ông Hồ Kỳ P là 1.009.340.637 đồng.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Huỳnh Thị N3 đại diện Công ty và cũng là kế toán trưởng của Công ty trình bày: “Theo bảng quyết toán công nợ chuyển giao phụ lục số 01 ngày 02/5/2016 thì tổng số tiền mà Công ty còn phải thanh toán cho ông Hồ Kỳ P là 1.009.340.637 đồng, trong đó tiền thi công là 761.438.750 đồng và tiền thuế giá trị gia tăng là 247.401.887 đồng. Công ty đã thanh toán cho ông P 761.938.370 đồng, còn nợ lại thuế giá trị gia tăng là 247.401.887 đồng. Qua các tài liệu đã bàn giao thì Công ty cũ trước khi cổ phần hóa đã tạm khấu trừ vào tiền thuế phải nộp hàng năm trước khi thực hiện chuyển giao...”

[6] Cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên xác định Công ty Cổ phần X còn giữ tiền hoàn thuế giá trị gia tăng của ông Hồ Kỳ P số tiền 247.401.887 đồng và buộc Công ty trả cho ông P là có căn cứ.

[7] Tại công văn số 4367/CT-KTT1 ngày 15/8/2018 của Cục Thuế tỉnh T trả lời công văn số 29/CPXDGTN về việc xử lý nợ thuế của Công ty, Cục Thuế có ý kiến: “Đến thời điểm kết thúc kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã xác định số tiền thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế môn bài, tiền thuê đất phải nộp và Công ty không còn nợ thuế nhà nước. Riêng đối với những khoản nợ phải trả của Công ty với cá nhân, Công ty tự xác định, đoàn kiểm tra không có ý kiến...”

Như vậy khoản nợ 247.401.887 đồng là khoản nợ Công ty phải trả cho ông Hồ Kỳ P đã được Đoàn kiểm tra Cục Thuế tỉnh T kiểm tra trước khi thoái vốn nhà nước.

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần X, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty Cổ phần X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp đòi tài sản” của ông Hồ Kỳ P đối với Công ty Cổ phần X.

Buộc Công ty Cổ phần X có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Kỳ P số tiền 247.401.887 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm linh một ngàn, tám trăm tám mươi bảy đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Kỳ P đối với Công ty Cổ phần X về yêu cầu tính tiền lãi do chậm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 02/5/2016 đến ngày xét xử theo mức lãi xuất là 10%/năm đối với số tiền 247.401.887 đồng.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần X phải chịu 12.370.000 đồng (Mười hai triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.675.000 đồng (Bảy triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006109 ngày 11/10/2018 và biên lai số 0005413 ngày 12/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1.

Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần X phải chịu số tiền 300.000 đồng, ghi nhận đã nộp xong theo biên lai thu số 0006188 ngày 22/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- TAND huyện (Tp);
- Chi cục THADS huyện (Tp);
- Phòng KTNV.TAT;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Tòng